

Số: /TTr-BTP
(DỰ THẢO)

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (*sau đây gọi là Dự thảo*). Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ Dự thảo với những nội dung chính sau đây:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự (*sau đây gọi là Nghị định số 62/2015/NĐ-CP*) được ban hành ngày 18/7/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/9/2015. Sau 03 năm thực hiện, các quy định của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã phát huy hiệu quả, tác động tích cực đối với đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước nói chung và công tác thi hành án dân sự (THADS) nói riêng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP cũng đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc, bất cập, cụ thể:

Thứ nhất, một số quy định của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP chưa thực sự phù hợp với quy định của Luật thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan, như: **cho phép Chấp hành viên tự phân chia tài sản chung của vợ chồng, hộ gia đình là chưa phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật THADS về việc khởi kiện ra Tòa án để phân chia tài sản chung (điểm c khoản 2 Điều 24); quy định không bắt buộc phải ủy thác đến nơi có điều kiện thi hành mà cho phép tùy nghi lựa chọn ủy thác hay không đối với tài sản không phải là bất động sản và tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng là chưa phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật THADS (khoản 1 Điều 16); quy định quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án có hiệu lực thi hành chưa phù hợp với quy định tại Điều 140 Luật THADS về quyền khiếu nại tiếp trong trường hợp không nhất trí với quyết định giải quyết lần đầu của người có thẩm quyền giải quyết**

kiểu nại (khoản 3 Điều 38); thẩm quyền quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, mã số ngạch Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án chưa phù hợp với Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ (Điều 66,71).

Thứ hai, một số quy định của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP chưa thực sự rõ ràng, như: chưa khẳng định rõ đương sự không được quyền yêu cầu thi hành án trở lại trong trường hợp vụ việc thi hành án đã đình chỉ theo thỏa thuận, yêu cầu của đương sự; chưa quy định rõ mức chi phí chứng kiến thỏa thuận ở ngoài trụ sở cơ quan thi hành án dân sự (Điều 5); chưa quy định rõ việc ra quyết định thi hành án trong trường hợp một người vừa có quyền vừa có nghĩa vụ thi hành án (Điều 6); chưa quy định về từ chối hay ra quyết định thi hành án trong trường hợp bản án tuyên không rõ người phải thi hành án nhưng tuyên rõ quyền của người được thi hành án (Điều 7); quy định đối với những việc thi hành án đã đưa vào sổ theo dõi riêng nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành thì cơ quan THADS phải tổ chức việc thi hành án, nhưng không rõ thủ tục để tổ chức thi hành án bao gồm những công việc gì cụ thể (khoản 6 Điều 9); chưa quy định rõ trường hợp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thủ tục thông báo như thế nào (Điều 12); chưa phân biệt rõ sự khác nhau trong cách thức xử lý trường hợp người nhận chuyển dịch tài sản của người phải thi hành án đã hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng và trường hợp chưa hoàn thành thủ tục (Điều 24).

Thứ ba, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP vẫn còn thiếu quy định để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn tổ chức thi hành án, như: người được thi hành án có yêu cầu hoặc đương sự có thỏa thuận về việc không yêu cầu thi hành một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án thì giải quyết như thế nào; nhiều người được nhận một tài sản cụ thể hoặc nhận chung một khoản tiền theo bản án, quyết định, nhưng chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án, sau khi cơ quan thi hành án thông báo về quyền yêu cầu thi hành án cho những người chưa yêu cầu mà họ yêu cầu thì xử lý ra sao; người phải thi hành án tự nguyện giao tài sản để thi hành nghĩa vụ trả tiền, Chấp hành viên đã lập biên bản (không ra quyết định cưỡng chế thi hành án) để tổ chức việc định giá, bán tài sản, vậy khi thu được tiền thì thứ tự thanh toán tiền thi hành án được thực hiện như thế nào; trường hợp bản án, quyết định của Tòa án tuyên giao quyền quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản hoặc tuyên giao quyền nuôi dưỡng người chưa thành niên nhưng tại thời điểm yêu cầu thi hành án họ không được thực hiện quyền này thì cơ quan THADS có ra quyết định thi hành án để tổ chức thi hành hay không; trường hợp ủy thác thi hành án thì những quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm và quyết định khác mà cơ quan ủy thác đã ban hành thì có được duy trì hiệu lực cho đến khi cơ quan nhận ủy thác ban hành quyết định mới thay thế hay không; trường hợp sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế mà không thực hiện được việc giao bảo quản tài sản theo quy định thì xử lý như thế nào.

Vì vậy, cần kịp thời bổ sung các quy định để điều chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thi hành án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Từ những nội dung trên cho thấy, việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/NĐ-CP là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

- Tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;

- Bảo đảm sự phù hợp với các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự và các pháp luật khác có liên quan; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính nói chung và thi hành án dân sự nói riêng;

- Tập trung giải quyết những quy định của Nghị định số 62/2015/NĐ chưa phù hợp với thực tế, thiếu thống nhất với pháp luật có liên quan, bổ sung kịp thời những quy định chưa rõ hoặc còn thiếu, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để tổ chức thi hành án hiệu quả;

- Tạo thuận lợi và bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án và của cá nhân, tổ chức và Nhà nước; bảo đảm và tăng cường nguyên tắc người phải thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành bản án, quyết định của Tòa án nhằm nâng cao chất lượng công tác thi hành án dân sự, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để xây dựng Nghị định, Bộ Tư pháp đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập bao gồm lãnh đạo các đơn vị, chuyên gia của các Bộ ngành có liên quan như Ban Nội chính Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Nội vụ, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam...và một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tiến hành nhiều hoạt động để triển khai xây dựng Dự thảo, như:

1. Tổ chức rà soát Luật THADS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và các văn bản có liên quan; tiến hành 05 cuộc khảo sát tại 05 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là đại diện của các vùng, miền trong cả nước; yêu cầu các cơ quan THADS địa phương tổ chức sơ kết

bằng văn bản và tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 62/2015/NĐ-CP để xác định đầy đủ các nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

2. Tổ chức họp Ban soạn thảo 03 lần; xây dựng dự thảo, gửi Dự thảo lấy ý kiến các thành viên Ban soạn thảo, Tổ Biên tập bằng văn bản; thường xuyên tổ chức các cuộc họp của Thường trực Tổ biên tập có sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong nhiều lĩnh vực và công chức trực tiếp làm công tác thi hành án dân sự ở địa phương;

3. Tổ chức 05 cuộc Hội thảo và lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của 50 Bộ, ngành có liên quan, 63 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, 63/63 Cục THADS và nghiêm túc tổ chức tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý; chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo;

5. Đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân;

6. Tổ chức thẩm định ngày / /2019; nghiêm túc tổ chức nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo;

8. Xây dựng và hoàn chỉnh hồ sơ Nghị định trình Chính phủ.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO

1. Bố cục của Dự thảo

Dự thảo có 03 điều, cụ thể :

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 19/85 điều của Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyên tiếp.

2. Những nội dung chính của Dự thảo

Dự thảo sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 33 khoản, điểm liên quan đến 18/85 Điều (*các Điều: 5, 6, 7, 9, 12, 13, 16, 17, 24, 27, 34, 38, 49, 50, 51, 64, 66, 71*). Trong đó, sửa đổi, bổ sung 30 khoản, điểm; bãi bỏ 01 điều, 01 khoản và 01 điểm, cụ thể:

- *Thứ nhất, bổ sung quy định để giải quyết các trường hợp thỏa thuận thi hành án của đương sự (Điều 5):*

Dự thảo đã: (i) bổ sung quy định về ra quyết định thu hồi toàn bộ hoặc một phần quyết định thi hành án trong trường hợp người được thi hành án có yêu cầu hoặc đương sự có thỏa thuận về việc không yêu cầu thi hành một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án; trong trường hợp các đương sự không thực hiện, thực hiện không đúng nội dung thỏa thuận thì trên cơ sở kết quả thi hành theo thỏa thuận xử lý theo hướng: ra quyết định tiếp tục thi hành án đối với phần quyết định thi hành án đã thu hồi và ra quyết định thi hành án mới đối với quyết định thi hành án đã thu hồi toàn bộ; (ii) khẳng định rõ đương sự không có quyền yêu cầu thi hành án trở lại khi đã yêu cầu đình chỉ thi hành án và đã được cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ; (iii) làm rõ khi Chấp hành viên chứng kiến thỏa thuận theo yêu cầu của đương sự ngoài trụ sở cơ quan THADS thì mức chi phí phát sinh được tính theo thỏa thuận hoặc theo mức chế độ công tác phí do nhà nước quy định.

- Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định về ra quyết định thi hành án chủ động và theo yêu cầu (**Điều 6, Điều 7**):

Đối với việc ra quyết định thi hành án chủ động, Dự thảo: (i) bổ sung thuộc diện chủ động thi hành án đối với phần bản án, quyết định tuyên trả khoản tiền cho doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; (ii) hướng dẫn ra chung một quyết định thi hành án trong trường hợp một người vừa có quyền, vừa có nghĩa vụ; (iii) làm rõ hơn việc ra quyết định thi hành án đối với trường hợp bản án, quyết định có nhiều người được thi hành án và nhiều người phải thi hành án.

Đối với việc ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu, Dự thảo (i) quy định rõ trường hợp bản án tuy tuyên không rõ người phải thi hành án nhưng đã tuyên rõ quyền của người được thi hành án thì không thuộc diện từ chối thi hành án; (ii) quy định rõ phạm vi ra quyết định thi hành án trong trường hợp nhiều người được nhận một tài sản cụ thể hoặc nhận chung một khoản tiền theo bản án, quyết định, nhưng mới chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án, theo đó: chỉ ra quyết định đối với người đã yêu cầu (phương án 1, cơ bản như quy định hiện hành); ra quyết định thi hành án đối với tất cả những người được thi hành án theo bản án, quyết định (phương án 2).

- Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định về xác minh (**Điều 9**), thông báo về thi hành án (**Điều 12**)

Về xác minh điều kiện thi hành án, Dự thảo đã: (i) bổ sung làm rõ đối với việc thi hành án chưa có điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này sẽ được thống kê, theo dõi riêng; khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì Chấp hành viên sẽ phải tiến hành xác minh và tổ chức thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều này; (ii) quy định rõ thời hạn bên nhận ủy quyền xác minh phải có văn bản thông báo kết quả xác minh; (iii) quy định rõ bên nhận ủy quyền xác minh phải chịu trách nhiệm về kết quả xác minh.

Về thông báo thi hành án, Dự thảo quy định rõ trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thủ tục thông báo thông qua người thân thích được thực hiện tương tự như đối với người được, người phải thi hành án (**Điều 12**).

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung quy định về ủy thác thi hành án (**Điều 16, 34**)

Dự thảo đã: (i) làm rõ việc ủy thác phải trên cơ sở các thông tin có được từ bản án, quyết định hoặc trên cơ sở kết quả xác minh; (ii) sửa đổi cho chính xác về căn cứ để xác định thứ tự ủy thác trong trường hợp tài sản của người phải thi hành án có ở nhiều nơi; (iii) bổ sung trường hợp tài sản tại địa bàn đang bị hoãn để giải quyết tranh chấp theo điểm d khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự mà đương sự có tài sản ở địa phương khác thì cơ quan thi hành án dân sự ủy thác đến cơ quan thi hành án dân sự nơi có tài sản để thi hành án; quy định rõ trách nhiệm phối hợp thường xuyên, kịp thời của cả cơ quan ủy thác và cơ quan nhận ủy thác trong trường hợp này (iii) bãi bỏ Điều 34 quy định về ủy thác thi hành nghĩa vụ liên đới và đưa toàn bộ nội dung của điều này vào Điều 16 cho thống nhất; đồng thời bổ sung quy định về duy trì hiệu lực của các quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án,

quyết định tạm hoãn xuất cảnh và các quyết định về thi hành án khác cho đến khi có quyết định thay thế của cơ quan nhận ủy thác.

Thứ năm, sửa đổi, bổ sung quy định về áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án (Điều 13,24,27)

Tại Điều 13, Dự thảo đã: (i) bổ sung quy định hạn chế việc trốn tránh, chống đối việc thi hành án, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, theo đó trường hợp đương sự, người đang quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản không hợp tác thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Chấp hành viên tổ chức cưỡng chế mở khóa, mở gói; buộc ra khỏi nhà, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất để kiểm tra hiện trạng, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản hoặc thay đổi việc giao bảo quản tài sản thi hành án; (ii) bổ sung phương án giải quyết, tăng cường sự phối hợp của chính quyền địa phương trong trường hợp cá biệt việc bảo quản tài sản có khó khăn, theo đó: trường hợp sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế mà không thực hiện được việc giao bảo quản tài sản theo quy định thì Chấp hành viên có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, hỗ trợ bảo quản trong thời gian chưa xử lý được tài sản.

Tại Điều 24, Dự thảo đã: (i) bổ sung trường hợp tài sản đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế mà người phải thi hành án vẫn cho người khác thuê thì vẫn bị xử lý để thi hành án; (ii) phân biệt rõ thủ tục cưỡng chế kê biên thi hành án để tránh sai sót của Chấp hành viên trong 03 trường hợp: trường hợp người phải thi hành án đã chuyển dịch tài sản nhưng người nhận chuyển dịch **chưa hoàn thành việc đăng ký** chuyển quyền sở hữu, sử dụng với (iii) trường hợp chưa hoàn thành thủ tục này và (iii) trường hợp có giao dịch khác; (iv) bãi bỏ quy định Chấp hành viên được quyền phân chia tài sản chung của vợ chồng và của hộ gia đình (*phương án 1*); bãi bỏ quyền của Chấp hành viên trong việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình, giữ nguyên quyền phân chia tài sản chung của vợ chồng, bổ sung quyền của vợ chồng lựa chọn tài sản chung nào để thi hành án; bổ sung quyền của Chấp hành viên dự kiến lựa chọn tài sản chung nào để thi hành án và thông báo cho vợ chồng biết; làm rõ hơn cách thức xác định tài sản để cưỡng chế trong trường hợp đương sự không khởi kiện phân chia tài sản chung (*phương án 2*); (v) quy định rõ biên bản về việc người phải thi hành án tự nguyện giao tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7a Luật thi hành án dân sự để thi hành nghĩa vụ trả tiền là cơ sở xác định thứ tự ưu tiên thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47 Luật thi hành án dân sự.

Tại Điều 27, Dự thảo đã: (i) bổ sung quy định trường hợp trong cùng một phiên đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án **thì** đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất; trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại; (ii) về hướng xử lý tiền trong trường hợp hợp đồng mua bán tài sản đã được ký, Dự thảo đưa ra hai phương án: giữ nguyên quy định hiện hành đối với trường hợp người mua trúng đấu giá chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản nào hoặc thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán (*phương án 1*); bỏ quy định hiện hành về phương án xử lý trong trường hợp người mua trúng đấu giá thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán để quy định rõ hơn theo hướng người mua tài sản vi phạm thời hạn thanh toán thì khoản tiền đặt trước sau

khi trừ đi các chi phí xử lý tài sản, số tiền thì thuộc về ngân sách nhà nước (*phương án 2*); thu hút các quy định hiện hành của Thông tư số 200/2016/BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính về các khoản chi từ khoản tiền đặt trước nêu trên.

Thứ sáu, sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý khi có thay đổi giá tài sản, ủy thác tư pháp và tạm hoãn xuất cảnh (Điều 17, 50, 51)

Dự thảo đã bổ sung việc định giá lại tài sản theo yêu cầu chỉ được thực hiện khi đương sự không tự nguyện, đây đưa kéo dài việc thi hành án; (ii) thu hút các nội dung liên quan và thiết kế các nội dung thuộc khoản 1 thành các điểm để dễ thực hiện; (iii) giảm thời hạn 30 ngày xuống còn 10 ngày để Chấp hành viên tiến hành thủ tục định giá lại khi đương sự đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện đề ra.

Về ủy thác tư pháp trong thi hành án, Dự thảo đề xuất sửa đổi Điều 50 theo hướng: (i) bỏ quy định về việc tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp lần thứ hai nhằm hạn chế việc kéo dài thời gian thi hành án; (ii) sửa đổi theo hướng giảm thời hạn chờ kết quả ủy thác tư pháp xuống còn 03 tháng đối với trường hợp cần ủy thác tư pháp đối với cùng một đương sự trong cùng một việc thi hành án so với các trường hợp khác là 06 tháng; (iii) bổ sung thủ tục thông báo cho đương sự trên phương tiện thông tin đại chúng để thay thế việc thông báo thông qua thủ tục ủy thác tư pháp trong trường hợp ủy thác trước đó không có kết quả.

Về việc cho tạm hoãn xuất cảnh, Dự thảo đã: (i) thu hút vào Nghị định quy định tại Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 (bổ sung năm 2015) về việc người phải thi hành án là công dân Việt Nam đang có nghĩa vụ chấp hành bản án, dân sự, kinh tế thì chưa được xuất cảnh và đưa nội dung này vào quyết định thi hành án để đảm bảo hiệu quả của việc thi hành án; (ii) thu hút vào Nghị định quy định tại Điều 28 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam về việc người nước ngoài đang có nghĩa vụ chấp hành bản án của Tòa án, quyết định của Hội đồng xử lý cạnh tranh thì có thể bị tạm hoãn xuất cảnh; (iii) bổ sung trách nhiệm điều chỉnh thông tin về tạm hoãn xuất cảnh khi có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức; (iv) bổ sung trách nhiệm giải tỏa tạm hoãn xuất cảnh nếu đương sự đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được xuất cảnh.

Thứ bảy, sửa đổi quy định về hồ sơ đề nghị miễn nhiệm Chấp hành viên, thẩm quyền quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, mã số ngạch Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án (Điều 64, 66, 71)

Dự thảo đã: (i) bãi bỏ quy định về xuất trình các tài liệu chứng minh lý do xin miễn nhiệm Chấp hành viên; (ii) sửa đổi thẩm quyền quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, mã số ngạch Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp để phù hợp với Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, đa số các Bộ, ngành đồng ý với sự cần thiết, bố cục và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, do một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Bộ Tư pháp báo cáo xin ý kiến của Chính phủ như sau:

1. Về quyền của Chấp hành viên tự phân chia tài sản chung của vợ chồng, hộ gia đình (điểm c khoản 2 Điều 24)

Một số ý kiến cho rằng cần bãi bỏ quy định Chấp hành viên được tiến hành phân chia tài sản chung của vợ chồng và hộ gia đình. Lý do là phương án này tuy có thể đẩy nhanh được tiến độ thi hành án do giảm được thủ tục khởi kiện, chờ xét xử theo thủ tục tố tụng thông thường nếu đương sự đồng ý với phương án phân chia của Chấp hành viên, đảm bảo kịp thời hơn quyền lợi cho người được thi hành án. Tuy nhiên, quy định này chưa phù hợp với khoản 1 Điều 74 Luật THADS. Đồng thời, chưa rõ Chấp hành viên dựa vào tiêu chí nào để xác định tài sản là của hộ gia đình và việc phân chia tài sản của vợ chồng và hộ gia đình theo nguyên tắc nào; chưa rõ quyền Chấp hành viên lựa chọn tài sản nào để xử lý hoặc xử lý trước trong trường hợp đương sự có nhiều tài sản chung; chưa có cơ chế bảo vệ Chấp hành viên khi thực hiện nhiệm vụ này dẫn đến Chấp hành viên bị khiếu nại, tố cáo gay gắt, thậm chí bị xử lý trách nhiệm (*phương án 1*).

Ý kiến khác cho rằng, chỉ nên bỏ quy định Chấp hành viên được tiến hành phân chia tài sản chung của hộ gia đình và cần giữ nguyên quy định về phân chia tài sản của vợ chồng, do thực tiễn cho thấy đa số việc thi hành án liên quan đến tài sản chung của vợ chồng nên cần có cơ chế để đẩy nhanh tiến độ thi hành án, đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án. Cơ chế này vẫn đảm bảo quyền của các đồng sở hữu vì nếu không đồng ý với việc phân chia của Chấp hành viên thì họ thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết như quy định hiện hành. Mặt khác, để giảm tải trách nhiệm cho Chấp hành viên, tôn trọng quyền tự quyết của đương sự thì cần bổ sung thêm quyền của họ được thỏa thuận, lựa chọn, đề xuất xử lý tài sản nào trước, bổ sung quy định Chấp hành viên khi xác định phần tài sản của vợ chồng thì cũng lựa chọn, dự kiến xử lý tài sản chung nào và thông báo để vợ chồng biết (*phương án 2*).

Bộ Tư pháp nhất trí với phương án 1.

2. Về thứ tự ưu tiên thanh toán tiền thi hành án (Điều 49)

Các quy định tại Điều 47 Luật THADS, Điều 49 Nghị định số 62/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC về thanh toán tiền thi hành án theo thời điểm ban hành quyết định cưỡng chế thi hành án gặp nhiều lúng túng do có nhiều quan điểm khác nhau. Một số ý kiến cho rằng tiền thi hành án phải đảm bảo trước hết là ưu tiên quyền lợi của người đã yêu cầu thi hành án. Điều này phù hợp với nguyên tắc bản án chỉ được đưa ra thi hành khi đương sự có yêu cầu thi hành án, chỉ khi yêu cầu thi hành án thì người được hưởng quyền, lợi ích nhất định theo bản án mới có tư cách người được thi hành án; khi đương sự chưa yêu cầu thì cơ quan thi hành án dân sự không thể biết và không buộc phải biết về các khoản họ được thi hành. Bên cạnh đó, Chấp hành viên chỉ được phép áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án mà người được thi hành án đã yêu cầu và những nghĩa vụ thuộc diện chủ động và các chi phí cần thiết, nên không hợp lý trong việc quy định phân chia tiền

cho những người chưa yêu cầu cũng như quy định Chấp hành viên phải thông báo cho họ để yêu cầu thi hành án (*phương án 1*).

Ý kiến khác cho rằng: Chấp hành viên có trách nhiệm thông báo cho những người chưa yêu cầu thi hành án trong bản án, quyết định có nhiều người được thi hành án nhưng mới có một hoặc một số người yêu cầu thi hành án tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế mà đơn vị đang trực tiếp tổ chức thi hành là để đảm bảo quyền lợi cho họ mà bản án, quyết định của Tòa án đã tuyên (*phương án 2*).

Bộ Tư pháp nhất trí với phương án 1.

Trên đây là một số nội dung chính của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản thuyết minh chi tiết; (3) Bảng tổng hợp ý kiến của Bộ, Ngành, cơ quan, tổ chức và cá nhân; (4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ, Ngành, cơ quan, tổ chức và cá nhân; (5) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định; (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Trương Hòa Bình (để b/c);
- Các Thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của QH;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Tổng cục THADS.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long